

THƯỜNG THỨC TÔN GIÁO

ĐẠI CHỦNG VIỆN THÁNH QUÝ

TRẦN HỮU HỢP^(*)

Đại Chủng viện Thánh Quý, đặt theo tên một vị linh mục người Việt Nam được phong Thánh, có tên đầy đủ là Phêrô Đoàn công Quý⁽¹⁾, là trường đào tạo linh mục cho Giáo hội Công giáo Việt Nam của 3 giáo phận: 1/ Giáo phận Cần Thơ (gồm Thành phố Cần Thơ, các tỉnh: Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau), 2/ Giáo phận Long Xuyên (gồm các tỉnh An Giang, Kiên Giang và huyện Vĩnh Thạnh, quận Thốt Nốt của Thành phố Cần Thơ); 3/ Giáo phận Vĩnh Long (gồm các tỉnh Vĩnh Long, Đồng Tháp, Trà Vinh, Bến Tre). Đại Chủng viện Thánh Quý được thành lập theo quyết định số 4647/V8, ngày 28/01/1981 của Hội đồng Bộ trưởng, và Công văn hướng dẫn thực hiện số 265/TGCP ngày 25/10/1988 của Ban Tôn giáo Chính phủ. Đại Chủng viện Thánh Quý tọa lạc tại số 87/1 đường Võ Tánh, phường Lê Bình, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.

Tiền thân của Đại Chủng viện Thánh Quý là Tiểu Chủng viện Á Thánh Quý, Cái Răng, Cần Thơ do Giám mục Phaolô Nguyễn Văn Bình sáng lập năm 1956⁽²⁾.

Đại Chủng viện Thánh Quý hoạt động theo Quy chế hoạt động, ban hành năm 2007. Việc tuyển sinh vào Đại Chủng viện được thực hiện 2 năm 1 lần từ khóa I đến khóa IX (1988 - 2007), từ khóa X đến nay (2008 - nay) mỗi năm chiêu sinh 1 lần. Điều kiện tuyển sinh của Đại Chủng

viện như sau: là thanh niên Công giáo, đã tốt nghiệp phổ thông trung học hoặc đại học, là người có phẩm chất đạo đức, có dấu hiệu của ơn gọi, được linh mục chính xứ giới thiệu, sau thời gian tập tu khoảng 3 năm, các ứng sinh được các Tòa

*. TS., Ban Tôn giáo Tp. Cần Thơ.

1. Phêrô Đoàn Công Quý sinh năm 1826 tại họ Búng, làng Hưng Thịnh, tổng Bình Thạnh, hạt Thủ Dầu Một (nay là tỉnh Bình Dương), là con út trong gia đình có 6 người con. Ông học tại Tiểu Chủng viện Thánh Giuse (Thị Nghè), năm 1848 du học tại Chủng viện của Hội Thừa Sai Paris ở Pénang (Mã Lai). Năm 1855 về nước. Năm 1858 được thụ phong linh mục tại Thủ Dầu Một. Linh mục Đoàn Công Quý đã hoạt động mục vụ tại các giáo xứ Lái Thiêu, Gia Định, Kiến Hòa, Phò xứ Cái Mơn, giáo họ Đầu Nước (Cù Lao Giêng). Bị bắt ngày 07/01/1859, bị hành hình ngày 31/7/1859. Được Giáo hoàng Piô X phong chân phước 02/5/1909; Giáo hoàng Gioan Phaolô II phong hiển Thánh ngày 19/6/1988 (Xem: *Thánh Phêrô Đoàn Công Quý, Linh mục tử đạo (1826-1859)*, Kỷ yếu 16 năm Đại Chủng viện Thánh Phêrô Đoàn Công Quý, trang 5).

2. Năm 1956, Giám mục Phaolô Nguyễn Văn Bình cất một dãy nhà bằng tre lá để làm Tiểu Chủng viện tại Sóc Trăng và thu nhận 138 tiểu chủng sinh. Ngày 16/12/1961 Giám mục Philipphê Nguyễn Kim Điền, người kế vị Giám mục Phaolô Nguyễn Văn Bình đã cho dời Tiểu Chủng viện từ Sóc Trăng về Cái Răng, vị trí hiện nay và cho xây thêm một nhà lầu 2 tầng dài 64m (Khu A). Giám mục Giacôbê Nguyễn Ngọc Quang, người kế vị Giám mục Nguyễn Kim Điền, đã cho xây thêm dãy nhà khu B và khánh thành vào năm 1970. Để hỗ trợ tài chính cho Tiểu Chủng viện, Giám mục cho lập nhà máy nước đá và lập xưởng sản xuất tàu vi yếu. Từ năm 1976 - 1984, các lớp xuất hành 1, 2, 3 và 4 học chương trình Đại Chủng viện tại đây. (Xem: *Lược sử Đại Chủng viện Thánh Quý Cần Thơ*, Kỷ yếu 16 năm Đại Chủng viện Thánh Phêrô Đoàn Công Quý, trang 7).

Giám mục tuyển chọn đưa vào học tập trong Đại Chủng viện.

1. Cơ cấu tổ chức:

Bộ máy lãnh đạo, điều hành Đại Chủng viện gồm linh mục giám đốc chuyên trách là người của Giáo phận Cần Thơ, 01 linh mục phó giám đốc là người của Giáo phận Vĩnh Long, 01 linh mục phó giám đốc của Giáo phận Long Xuyên. Ban Thường trực của Đại Chủng viện gồm linh mục giám đốc, các linh mục phó giám đốc, các linh mục phụ trách giám học, khoa trưởng, linh hướng, quản lý và các linh mục chuyên trách. Đại Chủng viện Thánh Quý có 2 khoa: Khoa Triết học và Khoa Thần học. Lực lượng giảng viên của Đại Chủng viện có 10 linh mục trong Ban Thường trực, và 20 linh mục ngoại trú của 3 giáo phận tham gia giảng dạy. Ngoài ra còn có 2 giáo viên của trường Đại học Cần Thơ giảng dạy 2 môn: Pháp luật Việt Nam và Lịch sử.

2. Đường hướng đào tạo:

Hiện nay đường hướng đào tạo của Đại Chủng viện Thánh Quý thực hiện theo Tông huấn Pastores Dabo Vobis (PDV), ban hành năm 1990 của Giáo hoàng Gioan Phaolô II, đặc biệt là chương V của Tông huấn về *Huấn luyện ứng sinh linh mục*. Tông huấn PDV đề ra 4 chiều kích đào tạo:

1. Chiều kích nhân bản: Tông huấn PDV coi trọng việc đào tạo nhân bản, coi đó là nền tảng của công tác đào tạo linh mục: bởi vì “Thiếu huấn luyện nhân bản đầy đủ, toàn bộ công cuộc đào tạo linh mục mất đi nền móng cần thiết” (PDV, số 43 a). Đào tạo nhân bản gồm các nội dung: 1/ Rèn luyện những đức tính nhân bản cần thiết cho việc kiến tạo một nhân

cách quân bình, như: “lòng quý chuộng sự thật, lòng thành tín, lòng tôn trọng con người, ý thức công bình, giữ lời hứa, lòng thương cảm, tính mạch lạc và đặc biệt là tính quân bình trong phán đoán và trong đối xử” (PDV, số 43 b); 2/ Tập giao tiếp với người khác để trở thành con người hiệp thông (PDV số 43c); 3/ Trưởng thành tâm cảm (PDV, số 43 d); 4/ Giáo dục lương tâm luân lý (PDV, số 43 e).

2. Chiều kích thuộc linh: nói theo từ ngữ thường dùng là việc huấn luyện đạo đức hay tu đức. Gọi là chiều kích “thuộc linh” vì “thực tế, công việc đó là công trình của Thánh linh”, “Công việc huấn luyện nhân bản mở đường cho việc huấn luyện đời sống thuộc linh và được hoàn chỉnh trong việc huấn luyện này” (PDV, số 45 a). Nội dung chính của việc huấn luyện thuộc linh là “tập sống hiệp thông liên lý và thân thiết với Thiên Chúa Cha, nhờ Chúa Con và trong Chúa Thánh Thần” (PDV, số 45 d). Các nội dung huấn luyện của thuộc linh là: 1/ Tập sống kết hợp mật thiết với Chúa Giêsu Kitô (PDV, số 46 b); 2/ Đọc và suy niệm Lời Chúa với tâm tình cầu nguyện (PDV, số 47); 3/ Coi trọng Bí tích Thánh thể (PDV, số 48 abc) và Bí tích Hòa giải (PDV, số 48 d); 4/ Đi tìm Chúa Kitô nơi con người (PDV, số 49) bằng cách phát huy sự tự hiến quảng đại và miễn phí, đời sống huynh đệ; 5/ Đặc biệt phải hiểu biết, quý trọng, yêu mến và sống đời sống độc thân (PDV, số 50).

3. Chiều kích tri thức: “ứng sinh linh mục phải được huấn luyện về tri thức để có thể đảm nhận việc rao giảng Tin Mừng trong bối cảnh xã hội thiên về khoa học kỹ thuật, để làm cho Tin Mừng trở thành khả tín trước những đòi hỏi chính đáng của lý trí con người” (PDV, số

51). Mục đích của việc huấn luyện tri thức giúp ứng sinh Linh mục có được: 1/ Những kiến thức về Triết học; 2/ Lòng tôn trọng và yêu mến chân lý; 3/ Hiểu biết về các khoa học nhân văn; 4/ Kiến thức Thần học.

4. Chiều kích mục vụ: Tất cả việc huấn luyện về nhân bản, thuộc linh và tri thức đều hướng tới mục đích đào tạo mục vụ. Nhằm mục đích này, ngay trong thời gian còn ở Đại Chủng viện, ứng sinh Linh mục phải được chuẩn bị cho ba tác vụ sau: 1/ Tác vụ Lời Chúa; 2/ Tác vụ phụng tự và thánh hóa; 3/ Tác vụ mục tử.

Bốn chiều kích đào tạo nhân bản, thuộc linh, tri thức và mục vụ có mối quan hệ mật thiết với nhau: giáo dục nhân bản làm nền tảng cho cả quá trình đào tạo ứng sinh linh mục, và tạo tiền đề cho chiều kích thuộc linh đồng thời đào tạo thuộc linh cũng là quá trình hoàn thiện chiều kích nhân bản; giáo dục tri thức, đạo đức, nhân bản là để làm tốt 3 tác vụ của chiều kích mục vụ.

Tông huấn Pastores Dabo Vobis đã xác định 3 tác nhân hay là 3 lực thực hiện công tác đào tạo:

1. Tự lực: là chính ứng sinh linh mục, Tông huấn PDV viết “Chính ứng sinh linh mục là người đóng vai trò quan trọng và không thể thay thế được trong công cuộc đào tạo: mọi công cuộc đào tạo, kể cả đào tạo linh mục, cuối cùng là tự đào tạo, vì lẽ không ai có thể thay cho tự do có trách nhiệm mà mỗi người đều có như một cá vị độc nhất” (PDV, số 69 a).

2. Nguồn lực: là Chúa Thánh Thần, Tông huấn PVD chỉ rõ “Tất nhiên linh mục tương lai phải là người trước tiên nhận thức cách linh mãnh rằng người giữ

vai chính số một trong việc đào tạo mình là Chúa Thánh Thần, Đấng ban ơn đổi mới con tim, làm cho mình nên giống Chúa Giêsu Kitô mục tử tốt và đồng nhất với Người” (PDV, số 69 b).

3. Trợ lực: là tất cả những ai có liên hệ trực tiếp hoặc gián tiếp tới việc đào tạo, như các linh mục trong ban huấn luyện, các chủng sinh cùng trường, cộng đoàn giáo phận, giáo xứ, gia đình... “Đón nhận hoạt động giáo dục còn có nghĩa là ứng sinh linh mục đón nhận những trung gian nhân loại mà Chúa Thánh Thần sử dụng” (PDV, số 69 b).

Ba tác nhân đào tạo có mối quan hệ mật thiết, trong đó tác nhân tự lực giữ vai trò quyết định.

3. Tổ chức thực hiện đường lối đào tạo theo Tông huấn Pastores Dabo Vobis tại Đại Chủng viện Thánh Quý

Thời lượng đào tạo ứng sinh linh mục của Đại Chủng viện Thánh Quý gồm 8 năm. Để thực hiện đường hướng đào tạo của Tông huấn PDV các ứng sinh linh mục sẽ được đào tạo toàn diện theo 4 chiều kích: nhân bản, thuộc linh, tri thức và mục vụ. Tuy nhiên, mỗi năm có một chiều kích được nhấn mạnh một cách đặc biệt hơn⁽³⁾.

1. Chương trình đào tạo tổng quát

Năm tu đức: Năm đầu tiên chủng sinh sống trong Đại Chủng viện được coi là năm tu đức. Trong năm này, người chủng sinh mới vào Chủng Viện được giúp đỡ để chuyển đổi lối sống ngoài đời thích ứng với cuộc sống bên trong Chủng viện.

3. Linh mục Hồ Bạc Xái, *Tổ chức và hướng đào tạo ứng sinh linh mục - Kết quả và kinh nghiệm*, Kỷ yếu hội thảo khoa học tại Cần Thơ, năm 2012.

Chu kì Triết học: gồm năm thứ hai và thứ ba. Điểm nhấn của hai năm này là đào tạo nhân bản:

- Năm thứ nhất Triết học: Đào tạo nhân bản làm người.

- Năm thứ hai Triết học: Đào tạo nhân bản làm Kitô hữu.

Sau chu kì Triết học, chủng sinh đi thực tập mục vụ một năm ở bên ngoài Đại Chứng viện, tại môi trường do Giám mục giáo phận chỉ định.

Chu kì Thần học: sau khi chủng sinh đi thực tập mục vụ 1 năm, trở về Đại Chứng viện, sẽ được đào tạo 4 năm Thần học. Điểm nhấn mạnh của 4 năm Thần học như sau:

- Năm thứ nhất Thần học: đào tạo Thuộc linh.

- Năm thứ hai Thần học: đào tạo Tri thức.

- Năm thứ ba Thần học: trong năm này, chủng sinh dần thân làm ứng viên phó tế, nên điểm nhấn là phát huy linh đạo chức Thánh phó tế là tinh thần phục vụ.

- Năm thứ tư Thần học: hướng tới lúc ra trường làm linh mục, trong năm này chủng sinh được nhấn mạnh đặc biệt về đào tạo mục vụ.

2. Các môn học

- Bộ môn nhân văn: Việt văn (56 tiết), Ngoại ngữ (154 tiết), Âm nhạc (120 tiết).

- Bộ môn đào tạo nhân bản: Nhân bản (96 tiết), Giáo lí cơ bản (710 tiết).

- Bộ môn Triết học: Triết sử (96 tiết), Triết Đông (64 tiết), Luận lí (32 tiết), Tâm lí (32 tiết), Hữu thể (32 tiết), Đạo đức (32 tiết), Thần lí (32 tiết), Kinh viện (32 tiết).

- Bộ môn Thần học: Thánh kinh (560 tiết), Tín lí (328 tiết), Luân lí (344 tiết), Phụng vụ (160 tiết), Linh đạo (128 tiết), Giáo sử (160 tiết), Giáo luật (192 tiết), Giáo phụ (96 tiết), Mục vụ (168 tiết), Lịch sử và Pháp luật Việt Nam (144 tiết).

3. Phương thức đào tạo

- Thực hiện đào tạo theo chủ điểm:

Mỗi năm học, mỗi lớp có một điểm nhấn mạnh, đặc biệt là một trong 4 chiều kích đào tạo. Chiều kích ấy được triển khai hằng tháng thành một chủ điểm cụ thể.

Bắt đầu một tháng đào tạo, chủng sinh sẽ được một linh mục trong Ban Thường trực Chứng Viện triển khai ý nghĩa của chủ điểm tháng đó. Trong ngày Tĩnh Tâm hằng tháng, chủng sinh suy gẫm, cầu nguyện để đào sâu chủ điểm.

- Thực hiện tháp tùng:

Sau khi được triển khai chủ điểm, từng tổ sẽ họp nhau, có sự tháp tùng của một linh mục trong Ban Thường trực, để giúp nhau thực hiện chủ điểm của tháng, đồng thời cùng nhau kiểm điểm lại việc thực hiện chủ điểm của tháng trước.

4. Trọng Tâm đào tạo cho toàn trường

Mỗi năm, Linh mục Giám đốc Đại Chứng viện đề ra một trọng tâm đào tạo, giống như một tâm điểm động viên các mặt sinh hoạt của toàn Chứng Viện cho suốt năm học.

Những trọng tâm đào tạo cho chu kì đào tạo:

1/ Tự đào tạo; 2/ Tự do nội tâm; 3/ Thống nhất đời sống; 4/ Nguồn lực: Chúa Thánh Thần; 5/ Trợ lực; 6/ Đức ái mục vụ; 7/ Hiệp thông.

5. Lịch sinh hoạt hằng ngày của chủng sinh

Để cân đối việc học hành, cầu nguyện, tu dưỡng, rèn luyện, vui chơi giải trí và nghỉ ngơi, Đại Chủng viện Thánh Quý đã bố trí lịch sinh hoạt hằng ngày, từ thứ Hai đến thứ Bảy như sau:

Cầu nguyện (thời lượng 3g45'), Sáng: 05g15 - 6g45, Trưa: 13g45 - 14g00, Chiều: 18g00 - 18g30, Tối: 19g30 - 22g00;

Học tập (thời lượng 6g00), Sáng: 7g40 - 11g15, Chiều: 14g00 - 16g15;

Ăn (thời lượng 1g15'), Sáng: 6g45 - 7g00, Trưa: 11g30 - 12g00, Chiều: 18g30 - 19g00;

Lao động, vui chơi, giải trí, rèn luyện (thời lượng 1g15') từ 16g15 - 17g30;

Ngủ (thời lượng 8g15'): Trưa: 12g00 - 13g30, Tối: 22g00 - 4g45;

Ngày Chủ nhật: Một số di thực tập mục vụ tại các nhà thờ trong thành phố Cần Thơ.

6. Các ngành hoạt động

Theo định hướng "Tự đào tạo", các chủng sinh tự phụ trách hầu hết những công việc trong sinh hoạt trong chủng viện. Có tất cả 13 ngành: 1/ Tiếp tân, 2/ Thánh nhạc, 3/ Trang trí, 4/ Văn nghệ, 5/ Lao động, 6/ Thể thao, 7/ Thư viện, 8/ Cây kiểng (cây cảnh), 9/ Phòng Thánh, 10/

Điện nước, 11/ Y tế, 12/ Ẩm thực, 13/ Mục vụ.

Để thực hiện "Tự đào tạo", các lớp bầu ra Ban Đại diện Chủng sinh. Đầu năm học, Ban Đại diện Chủng sinh phân công anh em vào 13 ngành nói trên. Việc phân công này vừa nhằm mục đích phân chia công tác nhưng cũng nhằm mục đích cho anh em tập làm việc. Vì thế, một người có thể năm nay ở ngành này, năm sau ở ngành khác. Mỗi buổi chiều có thời gian khoảng 30 phút cho chủng sinh lao động theo ngành của mình. Trong trường hợp đặc biệt thì có thể tổ chức lao động vào một thời điểm khác và trong một thời lượng khác.

Nhìn chung, việc đào tạo tại Đại Chủng viện Thánh Quý giúp chủng sinh vận dụng đầy đủ ba động lực là *Tự lực*, *Nguồn lực* và *Trợ lực*, mục tiêu là phát huy đầy đủ bốn chiều kích là *Nhân bản*, *Thuộc linh*, *Tri thức* và *Mục vụ*, với những sinh hoạt chủ yếu là *Trọng tâm*, *Chủ điểm* và *Tháp tùng*; tất cả đều hướng tới mục tiêu là đào tạo nên những mục tử tốt lành của Hội thánh Chúa.

4. Kết quả đào tạo

Kết quả đào tạo của Đại Chủng viện Thánh Quý từ ngày được thành lập đến nay như sau:

Khoá & Năm học	Nhập học	Xuất tu	Tốt nghiệp	Thụ phong Linh mục	Du học
K1 (1988)	37	2	35	35	
K2 (1991)	35	4	31	31	
K3 (1993)	64	4	60	60	3
K4 (1995)	61	7	54	54	5
K5 (1997)	50	2	42	42	5

K6 (1999)	44	5	39	39	3
K7 (2001)	50	3	43	43	5
K8 (2003)	51	10	43	43	
K9 (2005)	61	16			
K10 (2007)	36	6			
K11 (2008)	36	1			
K12 (2009)	36	4			
K13 (2010)	36				
K14 (2011)	36	1			
Tổng cộng	633	65	374	374	21

(Nguồn: *Số liệu thống kê của Ban Tôn giáo Thành phố Cần Thơ từ năm 1988 - 2011*)

Trong 14 khoá đã có 633 chủng sinh nhập học, xuất tu 65, tốt nghiệp ra trường 374, được thụ phong linh mục 374. Số chủng sinh đang học 213. Hiện nay có 21 linh mục, trước đây là chủng sinh của Đại Chủng viện Thánh Quý, đã hoặc đang được đào tạo ở nước ngoài theo chương trình đào tạo sau Đại Chủng viện. Như vậy, 100% chủng sinh tốt nghiệp, ra trường đều được phong linh mục. Số xuất tu chiếm tỉ lệ 10,26% tổng số nhập học. Nguyên nhân của việc xuất tu là do không có ơn gọi, kém sức khỏe hoặc qua đời.

Những chủng sinh được Đại Chủng viện Thánh Quý đào tạo khi ra trường, thụ phong linh mục về các giáo xứ hoạt động nhìn chung có hiệu quả, thể hiện trên các mặt như: hoạt động mục vụ, khả

năng quản lý điều hành giáo xứ, khả năng thuyết giảng giáo lý và truyền giáo được đào tạo, rèn luyện thành kỹ năng, thái độ chính trị là “đồng hành”, “chia sẻ”, “hội nhập”, chưa thấy xu hướng tiêu cực xuất hiện. Nguyên nhân của những kết quả trên là do các thanh niên này được đào tạo từ nhỏ trong nền giáo dục phổ thông hoặc đại học của Nhà nước Việt Nam và tiếp tục được bồi dưỡng môn giáo dục công dân khi học trong chủng viện, được hưởng thành quả công cuộc đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam, tiếp nhận tốt đường hướng mục vụ “canh tân”, “hòa giải” và “đối thoại” của Công đồng Vatican II, cũng như đường hướng “đồng hành cùng dân tộc” của Giáo hội Công giáo Việt Nam. /.